

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 1989

PHÁP LỆNH

BẢO HỘ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sở hữu công nghiệp, khuyến khích hoạt động sáng tạo và áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào thực tiễn, thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần mở rộng các quan hệ kinh tế, khoa học - kỹ thuật với nước ngoài ;

*Căn cứ vào Điều 72 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;
Pháp lệnh này quy định việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam.*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

1- Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức Nhà nước, tập thể và tư nhân có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là tổ chức) và cá nhân bao gồm quyền sở hữu đối với Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp, Nhãn hiệu hàng hoá và quyền sử dụng đối với Tên gọi xuất xứ hàng hoá.

Nhà nước bảo hộ quyền lợi của tác giả Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp.

2- Nhà nước quan tâm và khuyến khích việc tạo ra, áp dụng rộng rãi Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp.

Điều 2

Nguyên tắc bình đẳng trong bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Nhà nước thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, không phân biệt thành phần kinh tế.

Điều 3

Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Quyền sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng được bảo hộ theo Pháp lệnh này phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Điều 4

Các đối tượng sở hữu công nghiệp được Nhà nước bảo hộ.

1- Sáng chế là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có tính sáng tạo, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2- Giải pháp hữu ích là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật ở Việt Nam, có khả năng hiện thực áp dụng trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật hiện tại.

3- Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng đường nét, hình khối, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố đó, có tính mới đối với thế giới và dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

4- Nhãn hiệu hàng hoá là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ cùng loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác nhau. Nhãn hiệu hàng hoá có thể là từ ngữ, hình ảnh hoặc sự kết hợp các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

5- Tên gọi xuất xứ hàng hoá là tên địa lý của nước, địa phương dùng để chỉ xuất xứ của mặt hàng từ nước, địa phương đó với điều kiện những mặt hàng này có tính chất, chất lượng đặc thù dựa trên điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt, bao gồm yếu tố tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố đó.

6- Những đối tượng sở hữu công nghiệp trái với lợi ích xã hội, trật tự công cộng, nguyên tắc nhân đạo và đạo đức xã hội chủ nghĩa thì không được bảo hộ.

Điều 5

Quản lý Nhà nước đối với hoạt động sở hữu công nghiệp.

- 1- Hội đồng bộ trưởng thực hiện việc quản lý chung, ban hành các chính sách khuyến khích, phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp.
- 2- Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước tổ chức chỉ đạo việc thực hiện chính sách Nhà nước đối với hoạt động sở hữu công nghiệp.
- 3- Cục sáng chế thuộc Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước (sau đây gọi là Cục sáng chế) là cơ quan Nhà nước quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp, tiến hành các thủ tục công nhận quyền sở hữu công nghiệp, phối hợp với các tổ chức xã hội, các hội sáng tạo trong việc phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp.
- 4- Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính tương đương có trách nhiệm phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp, trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm việc thực hiện các chính sách của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động đó.

Điều 6

Trách nhiệm của các đơn vị cơ sở trong việc phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp.

Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tạo ra, thử nghiệm và hoàn thiện Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp ; thực hiện các biện pháp để các đối tượng sở hữu công nghiệp được bảo hộ kịp thời và sử dụng có hiệu quả, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả.

Điều 7

Vai trò của các tổ chức xã hội.

Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các hội sáng tạo và các tổ chức xã hội khác có quyền thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị cơ sở thực hiện các biện pháp hỗ trợ các hoạt động tạo ra và áp dụng Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật và chính sách khuyến khích phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp.

Điều 8

Các khái niệm dùng trong Pháp lệnh.

- 1- Chủ Văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp là tổ chức hoặc cá nhân được cấp Văn bằng bảo hộ hoặc được chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.
- 2- Tác giả Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp là người tạo ra Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp bằng chính lao động sáng tạo của mình.
Đồng tác giả Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp là những người cùng đóng góp lao động sáng tạo để tạo ra Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp.
- 3- Sáng chế, Giải pháp hữu ích và Kiểu dáng công nghiệp công vụ là Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp được tạo ra khi tác giả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước, đơn vị kinh tế quốc doanh hoặc tập thể trong phạm vi trách nhiệm được giao hoặc khi cơ quan, đơn vị đầu tư kinh phí, thiết bị để tạo ra Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp đó.

CHƯƠNG II

QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 9

Quyền của chủ Văn bằng bảo hộ.

- 1- Đối với Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp, Nhãn hiệu hàng hoá, chủ Văn bằng bảo hộ có quyền sở hữu các đối tượng đã được bảo hộ.
Chủ Văn bằng bảo hộ được độc quyền sử dụng, chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 2- Đối với Tên gọi xuất xứ hàng hoá, chủ Văn bằng bảo hộ có quyền sử dụng từ ngày được cấp Văn bằng bảo hộ nhưng không được chuyển giao quyền sử dụng đó cho tổ chức, cá nhân khác.
- 3- Chủ Văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu Toà án xét xử hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của mình.

Điều 10

Chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải thông qua hợp đồng viết, đăng ký tại Cục sáng chế và tuân theo pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Điều 11

Sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã được bảo hộ.

1- Các hoạt động sau đây được coi là sử dụng Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp : sản xuất, sử dụng, nhập khẩu, quảng cáo và lưu thông các sản phẩm được sản xuất theo Sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp đã được bảo hộ cũng như việc áp dụng các phương pháp đã được bảo hộ là Sáng chế, Giải pháp hữu ích.

2- Các hoạt động sau đây được coi là sử dụng Nhãn hiệu hàng hoá và Tên gọi xuất xứ hàng hoá : gắn Nhãn hiệu hàng hoá, Tên gọi xuất xứ hàng hoá trên sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc trên giấy tờ giao dịch nhằm đánh dấu hoặc chỉ rõ xuất xứ sản phẩm ; quảng cáo Nhãn hiệu hàng hoá hoặc Tên gọi xuất xứ hàng hoá.

Điều 12

Xâm phạm quyền của chủ Văn bằng bảo hộ.

1- Những hành vi dưới đây bị coi là xâm phạm quyền của chủ Văn bằng bảo hộ :

a) Thực hiện bất cứ hành vi nào quy định tại Điều 9 và Điều 11 Pháp lệnh này mà không được phép của chủ Văn bằng bảo hộ ;

b) Sử dụng một dấu hiệu hoặc tên gọi giống với Nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo hộ đến mức có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, gây thiệt hại cho quyền lợi của chủ Văn bằng bảo hộ.

2- Những hành vi dưới đây không bị coi là xâm phạm quyền của chủ Văn bằng bảo hộ :

a) Sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không nhằm mục đích kinh doanh ;

b) Lưu thông và sử dụng các sản phẩm do chủ Văn bằng bảo hộ, người được quyền sử dụng trước hoặc người được chuyển giao quyền sử dụng đã đưa ra thị trường ;

c) Sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp đã được bảo hộ trên các phương tiện vận tải của nước ngoài đang quá cảnh hoặc tạm thời ở trên lãnh thổ Việt Nam, nếu việc sử dụng chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của các phương tiện đó.

Điều 13

Nghĩa vụ của chủ Văn bằng bảo hộ.

Chủ văn bằng bảo hộ có các nghĩa vụ sau đây :